

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HS-PT

Ngày: 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Ông **Lại Anh Vân**

Ông **Nguyễn Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông **Phạm Văn Vững** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn A và bị cáo Bùi Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn A**, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn X, bị đình chỉ sinh hoạt đảng 90 ngày làm việc kể từ ngày 01/6/2018 tại Quyết định số 83-QĐ/UBND THU ngày 01/6/2018 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy K; con ông Nguyễn Văn N và bà Vũ Thị M; có vợ là Nguyễn Hải S và có hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K, tỉnh Hải Dương từ ngày 02/5/2018 đến ngày 04/5/2018, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Văn T**, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn S, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn X và bà Hoàng Thị C; có vợ là Phạm Thị H và có ba con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K, tỉnh Hải Dương từ ngày 02/5/2018 đến ngày 04/5/2018, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn 03 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không được triệu tập đến phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Chị **Nguyễn Hải S**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; không được triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 02/5/2018, Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P, Lê Văn Q, Hứa Văn V cùng anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương ăn cơm tại nhà anh Hứa Tiến Y, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, anh B về trước. Tại đây, Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P, Lê Văn Q và Hứa Văn V thống nhất về quây thuốc Z của của chị Nguyễn Hải S để đánh bạc bằng hình thức đánh chắn. Khi đến quây thuốc Z, thấy cửa không khóa, Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P, Lê Văn Q và Hứa Văn V đi vào phòng nghỉ của chị Nguyễn Hải S để đánh bạc. Nguyễn A lấy 02 bộ bài chắn, mỗi bộ 100 quân, 02 đĩa sứ để sử dụng đánh bạc. Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P và Lê Văn Q ngồi trên chiếu trúc đã trải sẵn trước đó để đánh bạc, còn V ngồi dưới cạnh P để chia bài cho các đối tượng đánh bạc. Hình thức đánh bạc: V sử dụng bộ bài chắn gồm 100 quân bài chia thành 05 phần, mỗi phần có 19 quân bài, người bốc cái lấy một phần bài 19 quân và 05 quân bài còn lại để làm lọc và bốc cái xác định phần bài của mỗi người và người đánh đầu tiên. Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P và Lê Văn Q mỗi người nhận một phần để chơi. Người đánh đầu tiên sẽ có 20 quân bài và phải đánh đi 01 quân bài, người kế tiếp (*theo chiều ngược chiều kim đồng hồ*), có thể ăn quân bài đó nếu hợp với một trong các quân bài của mình để tạo thành một chắn (*02 quân bài giống nhau*) hoặc 01 cạ (*02 quân bài khác nhau nhưng cùng hàng, có từ hàng nhất đến hàng cửu*). Nếu không ăn thì phải bốc từ lọc lên 01 quân bài. Đánh đến khi có một người ù (*ít nhất trên bài có 06 chắn và 04 cạ*) thì ván bài kết thúc. Khi ù, những người còn lại phải trả tiền cho người ù thấp nhất là 20.000 đồng (*ù xuôi*); nếu bài ù có thêm cước ù cao hơn thì tùy theo số cước cù của người ù mà những người còn lại phải trả tiền cho người ù, mỗi cước ù cao hơn ù xuôi thì người thua phải trả thêm 10.000 đồng cho người ù, cước ù cao nhất là thập thành (*10 chắn*) thì mỗi người phải trả cho người ù 200.000 đồng. Khi ù thì người ù phải hạ bài và đọc đúng cước ù của bài mình nếu khi đã bốc hết số bài lọc mà không có người ù thì ván bài đó hòa, không ai phải trả tiền cho ai.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an huyện K huyện kết hợp với Công an xã L, huyện K phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc

02 bộ bài chắn, mỗi bộ 100 quân, 02 đĩa sù, 01 chiếu trúc và số tiền 22.240.000 đồng các đối tượng sử dụng đánh bạc. Trong đó, 20.000 đồng dưới đĩa, thu của Nguyễn A 1.450.000 đồng trong ví để trước mặt, thu của T 15.110.000 đồng (110.000 đồng trên chiếu trước mặt và 15.000.000 đồng trong ví cạnh vị trí T ngồi), thu của P 2.980.000 đồng trên chiếu trước mặt, thu của Q 2.680.000 đồng trên chiếu trước mặt. Ngoài ra, thu tại túi quần bên trái phía trước của P 3.310.000 đồng, trong túi quần của V 12.360.000 đồng, P và V khai là tiền chi tiêu cá nhân, trả nợ và khám bệnh, không sử dụng để đánh bạc. Các bị cáo khai số tiền sử dụng để đánh bạc: A có 1.700.000 đồng, T 15.400.000 đồng, P 3.000.000 đồng (trong đó Huy góp 1.000.000 đồng để đánh bạc chung cùng P), Q 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại cấp sơ thẩm, Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P, Lê Văn Q và Hứa Văn V khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản án sơ thẩm số 31/2018/HSST ngày 29/6/2018, TAND huyện K áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17 và 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51, điểm a và b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình đối với bị cáo Nguyễn A:

Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc", xử phạt bị cáo Nguyễn A 13 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 12 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt bị cáo Bùi Văn T 15 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 03 bị cáo khác; hình phạt bổ sung; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/7/2018, bị cáo Nguyễn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Ngày 04/7/2018, bị cáo Bùi Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo A và bị cáo T nhất trí với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng; vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Các bị cáo trình bày mỗi người đã nộp 12.200.000đ tiền án phí và tiền phạt.

- VKSND tỉnh phát biểu:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn A và bị cáo Bùi Văn T đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, không kháng cáo về tội danh nên cấp sơ thẩm xét xử 2 bị cáo về tội đánh bạc là đúng. Bị cáo A có 04 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Tại cấp phúc thẩm cả 2 bị cáo đã tự giác nộp án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung, có thể xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo. Các bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo A và bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác cùng những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 02/5/2018, tại quây thuốc Tuấn Kiệt của chị Nguyễn Hải S, sinh năm 1988, địa chỉ thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn A, Bùi Văn T, Hứa Văn P, Lê Văn Q và Hứa Văn V có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 22.240.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo đã bị TAND huyện K xét xử về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn A và bị cáo Bùi Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò của các bị cáo, căn cứ vào số tiền đánh bạc, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo A 13 tháng tù, bị cáo T 15 tháng tù là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo A và bị cáo T đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền đánh bạc không nhiều, hành vi phạm tội đơn giản, hành vi của các bị cáo chưa nguy hiểm đến mức cách ly bị cáo với xã hội.

Cấp sơ thẩm đã áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS trong việc lượng hình đối với cả 2 bị cáo, bị cáo A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại cấp phúc

thẩm cả 2 bị cáo đều tự nguyện nộp trước toàn bộ tiền phạt và tiền án phí hình sự, mỗi bị cáo 12.200.000đ. Đây là tình tiết mới, thể hiện sự ăn năn hối cải và ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Hai bị cáo đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng. Như vậy bị cáo A và bị cáo T đều đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo A và bị cáo T được hưởng án treo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Do sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn A và Bùi Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17 và 58, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a và b khoản 1 Điều 47, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn A và bị cáo Bùi Văn T;

Căn cứ điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn A.

Xử phạt bị cáo Nguyễn A **13 (Mười ba)** tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **26 (Hai mươi sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/9/2018. Giao bị cáo Nguyễn A cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T **15 (Mười lăm)** tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **30 (Ba mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/9/2018. Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn A và bị cáo Bùi Văn T, mỗi bị cáo đã thi hành hình phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm là **12.200.000đ** (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*) lần lượt theo biên lai thu số AA/2011/0004777 ngày 28/8/2018 và AA/2011/0004765 ngày 11/7/2018 do bị cáo A và bị cáo T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn A và bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/9/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K (2 bản);
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân

Nguyễn Minh Tân

Bùi Đăng Huy

